Các usecase quan trọng

Nhóm 7 TKGD

*(Ai đó design cái bìa đê)*

Table of Contents

1. Use-case Model (Mô hình use-case) 2

2. Mô tả Actor 2

2.1 Người dùng chưa đăng nhập 2

2.2 Người dùng đã đăng nhập 3

2.3 Người lái xe 3

2.4 Người đặt xe 3

3. Use-cases Flows 4

3.1 Use-case: Đặt chuyến xe 4

3.2 Use-case: Tạo chuyến xe 4

3.3 Use-case: Xác nhận chuyến xe 5

# Use-case Model (Mô hình use-case)

Diagram

Description automatically generated

# Mô tả Actor

## Người dùng chưa đăng nhập

|  |  |
| --- | --- |
| **Name** | Người dùng chưa đăng nhập |
| **Overview** | Là người trực tiếp sử dụng ứng dụng, tuy nhiên họ chưa đăng nhập hoặc đăng ký nên chưa thể sử dụng các dịch vụ mà ứng dụng cung cấp. |
| **User Characteristics** | * Giới tính: nam hoặc nữ * Độ tuổi: 18-22 * Ngôn ngữ: tiếng Việt (tiếng mẹ đẻ) và tiếng Anh * Nghề nghiệp: chủ yếu là sinh viên * Trình độ giáo dục: ít nhất tốt nghiệp cấp 3 * Tần suất sử dụng thiết bị điện tử: mỗi ngày * Động lực sử dụng ứng dụng: tìm người để đi nhờ xe, tìm người chia sẻ tiền xăng |
| **User Role** | Người dùng cuối của hệ thống (end user), chưa đăng nhập/đăng ký |
| **User Environment** | * Thiết bị, công cụ: điện thoại thông minh chạy Android hoặc iOS * Nơi sử dụng: ở nhà hoặc ngoài đường |

## Người dùng đã đăng nhập

|  |  |
| --- | --- |
| **Name** | Người dùng đã đăng nhập |
| **Overview** | Là người trực tiếp sử dụng ứng dụng và đã đăng nhập vào hệ thống, do đó có thể sử dụng các dịch vụ mà ứng dụng cung cấp.  Họ có thể chọn (và thay đổi bất cứ lúc nào) giữa hai vai trò: người đặt xe, người lái xe. Sau khi chọn, ứng dụng sẽ cho phép sử dụng các tính năng tương ứng của vai trò đã chọn |
| **User Characteristics** | * Giới tính: nam hoặc nữ * Độ tuổi: 18-22 * Ngôn ngữ: tiếng Việt (tiếng mẹ đẻ) và tiếng Anh * Nghề nghiệp: chủ yếu là sinh viên * Trình độ giáo dục: ít nhất tốt nghiệp cấp 3 * Tần suất sử dụng thiết bị điện tử: mỗi ngày * Tần suất sử dụng ứng dụng: ít nhất 1 lần/tháng, nhiều nhất 10 lần/ngày * Động lực sử dụng ứng dụng: tìm người để đi nhờ xe, tìm người chia sẻ tiền xăng |
| **User Role** | Người dùng cuối của hệ thống (end user), chưa chọn vai trò |
| **User Environment** | * Thiết bị, công cụ: điện thoại thông minh chạy Android hoặc iOS * Nơi sử dụng: ở nhà hoặc ngoài đường |

## Người lái xe

|  |  |
| --- | --- |
| **Name** | Người lái xe |
| **Overview** | Là người trực tiếp sử dụng ứng dụng, đã đăng nhập vào hệ thống và chọn vai trò là Người lái xe. Do đó có thể sử dụng các tính năng của người dùng đã đăng nhập, cùng với các tính năng tương ứng của vai trò Người lái xe. |
| **User Characteristics** | * Giới tính: nam hoặc nữ * Độ tuổi: 18-22 * Ngôn ngữ: tiếng Việt (tiếng mẹ đẻ) và tiếng Anh * Nghề nghiệp: chủ yếu là sinh viên * Trình độ giáo dục: ít nhất tốt nghiệp cấp 3 * Tần suất sử dụng thiết bị điện tử: mỗi ngày * Tần suất sử dụng ứng dụng: ít nhất 1 lần/tháng, nhiều nhất 10 lần/ngày * Động lực sử dụng ứng dụng: tìm người chia sẻ tiền xăng |
| **User Role** | Người dùng cuối của hệ thống (end user), người lái xe |
| **User Environment** | * Thiết bị, công cụ: điện thoại thông minh chạy Android hoặc iOS * Nơi sử dụng: ở nhà hoặc ngoài đường |

## Người đặt xe

|  |  |
| --- | --- |
| **Name** | Người đặt xe |
| **Overview** | Là người trực tiếp sử dụng ứng dụng, đã đăng nhập vào hệ thống và chọn vai trò là Người đặt xe. Do đó có thể sử dụng các tính năng của người dùng đã đăng nhập, cùng với các tính năng tương ứng của vai trò Người đặt xe. |
| **User Characteristics** | * Giới tính: nam hoặc nữ * Độ tuổi: 18-22 * Ngôn ngữ: tiếng Việt (tiếng mẹ đẻ) và tiếng Anh * Nghề nghiệp: chủ yếu là sinh viên * Trình độ giáo dục: ít nhất tốt nghiệp cấp 3 * Tần suất sử dụng thiết bị điện tử: mỗi ngày * Tần suất sử dụng ứng dụng: ít nhất 1 lần/tháng, nhiều nhất 10 lần/ngày * Động lực sử dụng ứng dụng: tìm người để đi nhờ xe |
| **User Role** | Người dùng cuối của hệ thống (end user), người đặt xe |
| **User Environment** | * Thiết bị, công cụ: điện thoại thông minh chạy Android hoặc iOS * Nơi sử dụng: ở nhà hoặc ngoài đường |

# Use-cases Flows

## Use-case: Đặt chuyến xe

|  |  |
| --- | --- |
| **Use case Name**  **(Tên use-case)** | Đặt chuyến xe |
| **Brief description**  **(Mô tả)** | Use case này mô tả người dùng có thể đặt chuyến xe |
| **Actors**  **(Actors)** | Người đặt xe |
| **Basic Flow**  **(Luồng cơ bản)** | 1. Tại trang chủ, người dùng nhập từ khóa vào trường “Điểm đến” để tìm kiếm địa điểm. 2. Hệ thống hiển thị các điểm đến gợi ý phù hợp với từ khóa 3. Người dùng chọn một trong các địa điểm mà hệ thống gợi ý 4. Hệ thống hiển thị thông tin các chuyến xe có địa điểm đi và đến phù hợp. 5. Người dùng nhấp nút “Đặt xe” trong thông tin chuyến xe muốn đặt. |
| **Alternative Flows**  **(Các luồng thay thế)** | **Luồng thay thế 1: Người dùng muốn thay đổi điểm đi**   1. Từ bước 3 của Luồng cơ bản, người dùng nhập từ khóa tìm kiếm vào trường “Điểm đi” để tìm kiếm (thay đổi) địa điểm đi 2. Tiếp tục bước 2 trong Luồng cơ bản |
| **Pre-conditions**  **(Điều kiện đầu vào)** | Người dùng đã đăng nhập ở trang chủ UniRide  Người dùng chọn vai trò là Người đặt xe |
| **Post-conditions**  **(Điều kiện đầu ra)** | Người dùng đặt chuyến xe thành công |

## Use-case: Tìm kiếm địa điểm

|  |  |
| --- | --- |
| **Use case Name**  **(Tên use-case)** | Tìm kiếm địa điểm |
| **Brief description**  **(Mô tả)** | Use case này mô tả người dùng có thể tìm kiếm địa điểm |
| **Actors**  **(Actors)** | Người đặt xe, Người đi nhờ xe |
| **Basic Flow**  **(Luồng cơ bản)** | 1. Tại trang chủ, người dùng nhập từ khóa vào trường “Điểm đến” để tìm kiếm địa điểm. 2. Hệ thống hiển thị các điểm đến gợi ý phù hợp với từ khóa 3. Người dùng chọn một trong các địa điểm mà hệ thống gợi ý 4. Hệ thống hiển thị thông tin các chuyến xe có địa điểm đi và đến phù hợp. 5. Người dùng nhấp nút “Đặt xe” trong thông tin chuyến xe muốn đặt. |
| **Alternative Flows**  **(Các luồng thay thế)** | **Luồng thay thế 1: Người dùng muốn thay đổi điểm đi**   1. Từ bước 3 của Luồng cơ bản, người dùng nhập từ khóa tìm kiếm vào trường “Điểm đi” để tìm kiếm (thay đổi) địa điểm đi 2. Tiếp tục bước 2 trong Luồng cơ bản |
| **Pre-conditions**  **(Điều kiện đầu vào)** | Người dùng đã đăng nhập ở trang chủ UniRide  Người dùng chọn vai trò là Người đặt xe |
| **Post-conditions**  **(Điều kiện đầu ra)** | Người dùng đặt chuyến xe thành công |

## Use-case: Tạo chuyến xe

|  |  |
| --- | --- |
| **Use case Name**  **(Tên use-case)** | Tạo chuyến xe |
| **Brief description**  **(Mô tả)** | Use case này mô tả người dùng là sinh viên lái xe tạo chuyến xe |
| **Actors**  **(Actors)** | Người lái xe |
| **Basic Flow**  **(Luồng cơ bản)** | 1. Tại giao diện Trang chủ, người dùng bấm vào nút Tạo chuyến xe. 2. Sau đó người dùng lần lượt nhập vào Vị trí đi và Vị trí đến. Hệ thống lần lượt cập nhật lại địa điểm tương ứng trên bản đồ mỗi khi hoàn tất nhập từng địa điểm. 3. Hệ thống đưa ra đường đi ngắn nhất dựa vào Google Maps và in ra dạng danh sách. 4. Người dùng tiếp tục nhập vào ngày giờ đi. 5. Người dùng ấn nút ‘Hoàn tất’ để xác nhận tạo chuyến xe thành công 6. Hệ thống thêm vào một dữ liệu chuyến xe mới. |
| **Alternative Flows**  **(Các luồng thay thế)** | **Alternative flow 1: Người dùng tùy ý thay đổi đoạn đường đi**   1. Tại bước 3 của luồng cơ bản, người dùng có thể bấm vào từng entry trong danh sách để cập nhật đường đi khác lân cận. 2. Người dùng thay đổi đường đi từ đường đi đã chọn. 3. Nếu đã hoàn tất cập nhật, tiếp tục bước 4 của luồng cơ bản. |
| **Pre-conditions**  **(Điều kiện đầu vào)** | Người dùng phải đăng nhập và sử dụng ứng dụng với tư cách là người lái xe |
| **Post-conditions**  **(Điều kiện đầu ra)** | Người dùng tạo chuyến xe thành công.  Dữ liệu chuyến xe mới được thêm vào với trạng thái là ‘Mới’ và người đi nhờ là ‘Rỗng’.  Thông báo người dùng tạo chuyến xe thành công. |

## Use-case: Xác nhận chuyến xe

|  |  |
| --- | --- |
| **Use case Name**  **(Tên use-case)** | Xác nhận chuyến xe. |
| **Brief description**  **(Mô tả)** | Use-case này cho phép người lái xe chấp nhận hoặc từ chối yêu cầu đi cùng của người đặt xe. |
| **Actors**  **(Actors)** | Người lái xe |
| **Basic Flow**  **(Luồng cơ bản)** | 1. Tại trang thông báo, người lái xe nhấn vào thông báo “Bạn có yêu cầu đồng hành mới cho chuyến xe của mình”. 2. Ứng dụng hiển thị màn hình chi tiết thông tin chuyến xe và thông tin người đặt xe. 3. Người lái xe nhấn vào nút “Chấp nhận”. 4. Ứng dụng ghi nhận thông tin người đặt xe cho chuyến xe. 5. Ứng dụng gửi thông báo “Bạn đồng hành chấp nhận yêu cầu đi cùng của bạn” đến người đặt xe. 6. Ứng dụng chuyển hướng về trang chủ. |
| **Alternative Flows**  **(Các luồng thay thế)** | **Alternative flow 1: Người lái xe từ chối chuyến xe**   1. Tại bước 3 của luồng cơ bản, người lái xe nhấn vào nút “Từ chối”. 2. Ứng dụng gửi thông báo “Bạn đồng hành từ chối yêu cầu đi cùng của bạn” đến người đặt xe. 3. Tiếp tục bước 6 của luồng cơ bản.   **Alternative flow 2: Ứng dụng ghi nhận thông tin không thành công**   1. Tại bước 4 của luồng cơ bản, ứng dụng không thể ghi nhận thông tin người đặt xe. 2. Ứng dụng hiển thị thông báo lỗi “Không thể ghi nhận thông tin người đặt xe do … (lý do xảy ra lỗi). Vui lòng thử lại sau”. 3. Người lái xe nhấn nút “OK” trên thông báo lỗi. 4. Quay lại bước 2 của luồng cơ bản. |
| **Pre-conditions**  **(Điều kiện đầu vào)** | Người dùng đã đăng nhập vào ứng dụng và chọn vai trò là Người lái xe.  Người lái xe hiện có 1 chuyến xe chưa khởi hành.  Có ít nhất 1 yêu cầu đồng hành. |
| **Post-conditions**  **(Điều kiện đầu ra)** | Ứng dụng ghi nhận thông tin và gửi thông báo xác nhận đến người đặt xe hoặc hiển thị thông báo lỗi. |